

QUAN ĐIỂM CỦA JOHN RAWLS VỀ CON NGƯỜI – MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN, HẠN CHẾ VÀ GIÁ TRỊ HIỆN THỜI Ở VIỆT NAM

TS LƯU ĐÌNH VINH

Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Basic Sciences, Ho Chi Minh City University of Law
Email: ldvinh@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

John Rawls là một nhà triết học chính trị nổi tiếng ở Mỹ và tư tưởng của ông ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống chính trị Âu – Mỹ những năm sau chiến tranh thế giới lần thứ II. Rawls đã có những quan điểm đặc sắc về con người, nêu bật khả năng tự ý thức của con người về tự do và công bằng trong xã hội dân chủ. Mặc dù có những hạn chế, nhưng tư tưởng của Rawls đã góp phần làm phong phú thêm lý luận về mục tiêu dân chủ, công bằng ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: quan điểm về con người, John Rawls, triết học chính trị, công lý, tự do

Abstract

John Rawls was a prominent American political philosopher whose ideas profoundly influenced the political thought of Europe and the United States in the post-World War II era. Among his major contributions were his distinctive conceptions of the human being, emphasizing the capacity for self-awareness regarding freedom and justice within a democratic society. Although his theory contains certain limitations, Rawls's thought has significantly enriched the theoretical discourse on democracy and social justice in contemporary Vietnam.

Keywords: conception of the human being, John Rawls, political philosophy, justice, freedom

Ngày nhận bài: 17/10/2025

Ngày duyệt đăng: 10/11/2025

John Rawls (1921 – 2002), được xem là một triết gia tiêu biểu, có ảnh hưởng lớn ở Hoa Kỳ vào những năm 1950 đến 1960 của thế kỷ XX. Ông đã để lại nhiều tác phẩm triết học có giá trị, tác động sâu sắc đến đời sống chính trị, đạo đức, pháp luật, kinh tế trong xã hội Anh – Mỹ. Tư tưởng triết học về con người của Rawls chịu ảnh hưởng của các điều kiện thực tiễn chính trị – xã hội nước Mỹ những năm sau chiến tranh thế giới lần thứ II. Đặc biệt, tư tưởng của Rawls chịu ảnh hưởng to lớn từ, hậu quả của “chiến tranh lạnh” giữa Liên Xô và Mỹ, cùng mối đe dọa thường xuyên của chiến tranh hạt nhân. Trong đó, các phương tiện truyền thông được huy động tối đa để tuyên truyền nước Mỹ là quốc gia lãnh đạo thế giới như một đối trọng với Liên Xô cùng mô hình xã hội chủ nghĩa đang lan rộng. Tuy nhiên, nước Mỹ cũng phải đối mặt với các vấn nạn xã hội và những chỉ trích gay gắt quốc tế. Trong đó nạn phân biệt chủng tộc được xem như “gót chân Achilles” của nước Mỹ¹ không chỉ trong quan hệ quốc tế mà còn trong thực thi chính sách pháp luật trong nước. Bên cạnh đó, “làn sóng thứ hai” trong phong trào nữ quyền do phụ nữ Do Thái khởi xướng cũng tác động đến tư tưởng của Rawls. Những cuộc vận động cải cách luật hôn nhân và tài sản, quyền bầu cử của phụ nữ, biện pháp tránh thai, cải thiện điều kiện làm việc cho phụ nữ, Tu chính án về Quyền Bình đẳng, hay vô số các hoạt động khác nhằm thúc đẩy cơ hội bình đẳng cho phụ nữ đang và đã làm thay đổi các giá trị truyền thống cốt lõi về con người, quyền con người không chỉ ở Mỹ và còn ở khắp châu Âu. Ngoài ra, các cuộc biểu tình của sinh viên, phong trào dân quyền, phản chiến và cả “chiến tranh Việt Nam”² đã tác động không nhỏ đến sự hình thành tư

1 Mary L. Dudziak, *Cold war civil rights - Race and the image of American democracy*, Nxb. Princeton University Press, 2000, tr. 29.

2 Theo cách gọi của Chính quyền Mỹ về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của người dân Việt Nam.

tưởng triết học về con người của Rawls. Rawls là một trong những học giả phản đối “chiến tranh Việt Nam” và xem “cuộc chiến này là bất công và liên tục bảo vệ quan điểm này trước công chúng”.³

Cùng với đó, các quan điểm triết học của Rawls còn chịu ảnh hưởng bởi các tiền đề lý luận như các giá trị về quyền tự do, bình đẳng, nghĩa vụ chính trị, công lý của triết gia nổi tiếng thời khai sáng, thế kỷ XVIII, John Locke (1632 – 1704). Rawls đã kế thừa, tiếp biến, mở rộng các khái niệm triết học cơ bản của J.Locke trong xã hội Mỹ đương thời, tạo nên những đặc điểm riêng và khác biệt so với Locke. Rawls quan tâm đến nhiều vấn đề xã hội của nước Mỹ, các quan điểm về công lý, công bằng, tự do, quyền tự quyết, khế ước xã hội, hợp tác quốc gia, dân tộc và lấy đó làm đối tượng, mục đích cơ bản trong các hệ thống lý luận triết học của ông. Tư tưởng triết học về con người của Rawls cũng là sự kế thừa và phát triển các giá trị về “quyền riêng tư”, “những chuẩn mực của tự do”, “bình đẳng”, “cấu trúc cưỡng chế xã hội” của Immanuel Kant (1724 – 1804). Nó được xem như là một nền tảng quan trọng trong quan điểm về công lý, công bằng của Rawls. Cả Kant và Rawls đều nổi bật trong lịch sử triết học chính trị khi cho rằng “cấu trúc cưỡng chế của xã hội là chủ đề duy nhất của lý thuyết về công lý”⁴ và xem nó là nguồn cảm hứng cho những suy tư triết học.

Tư tưởng triết học nói chung và triết học con người nói riêng của Rawls được thể hiện trong nhiều tác phẩm, trong đó, có một số tác phẩm tiêu biểu như: *A Theory of Justice* (*Lý thuyết về Công lý*), được xuất bản lần đầu vào năm 1958 và tái bản nhiều lần với nhiều thứ tiếng khác nhau. Đây được xem là tác phẩm vĩ đại, nền tảng của học thuyết nổi tiếng “*Justice as Fairness*” (công lý như công bằng) của Rawls. Tác phẩm *Political liberalism* (*Chủ nghĩa tự do chính trị*) xuất bản lần đầu vào năm 1993. Đây là tác phẩm bổ sung, hoàn thiện lý thuyết về công lý và nhấn mạnh lý thuyết về công lý như một khái niệm chính trị không mang tính phổ quát ở tất cả các ngành khoa học khác. *The law of peoples* (*Luật của các dân tộc*), xuất bản lần đầu vào năm 1999, là tác phẩm liên quan đến các mối quan hệ quốc tế, cách ứng xử giữa các quốc gia, dân tộc và nhiều tác phẩm triết học khác. Đánh giá về tư tưởng triết học của Rawls, triết gia Thomas Pogge trong tác phẩm *John Rawls: His Life and Theory of Justice* đã cho rằng: “Với tham vọng khai sáng độc đáo, lý thuyết này là một thành tựu rực rỡ trong triết học chính trị tốt nhất hiện có. Không ai quan tâm đến công bằng một cách kỹ lưỡng mà không nghiên cứu nó”.⁵ Về tác phẩm *Theory of justice*, tác giả Andrew Koppelman cho rằng: lý thuyết của Rawls đã giúp “chúng ta học cách sống với sự bất bình đẳng. Chúng ta cần cơ chế, thể chế để giữ cho nó không tạo ra thành kiến, sỉ nhục người khác và lạm dụng quyền lực”.⁶ Xuyên suốt trong hệ thống triết học của Rawls là công lý và công bằng. Tuy nhiên, nền tảng, mục đích của công lý chính là quan niệm về con người, động lực của sự phát triển của toàn bộ xã hội và cũng bởi: “Đầu tiên là công việc đối với con người”.⁷

3 Thoms Pogge, *John Rawls: His life and theory of justice*, New York Oxford University Press, 2007, tr. 19.

4 Arthur Ripstein, “Private order and public justice: Kant and Rawls”, *Virginia Law Review*, Vol. 92(7), 2006, tr. 1400.

5 Thomas Pogge, *tdld*, tr. VII.

6 Andrew Koppelman, “Rawls, inequality, and welfare-state capitalism”, *American Journal of Law and Equality*, 2023, tr. 282.

7 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 15, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, 2011, tr. 616.

1. Những quan điểm chủ yếu của Rawls về con người

Con người luôn là đối tượng của các nhà triết học từ trước đến nay, từ Đông sang Tây. Mỗi nhà triết học sẽ có những cái nhìn khác nhau và không có quan điểm duy nhất về con người nhưng đều xem con người là trung tâm của triết học. Là một nhà triết học chính trị, Rawls cũng đã lấy con người làm đối tượng và hạt nhân trong xây dựng hệ thống tri thức lý luận của bản thân. Tuy ông không có tác phẩm chuyên luận về con người, nhưng quan điểm về con người đã được đề cập như một cơ sở lý luận quan trọng và chủ yếu trong tất cả các tác phẩm triết học chính trị của Rawls. Nhằm hệ thống hóa các vấn đề chính trị - xã hội cốt lõi và không gây tranh cãi với các triết lý tôn giáo và lý luận khoa học khác, ngay từ đầu, Rawls đã xác định phạm vi của khái niệm con người. Qua đó, con người – trong tất cả các nghiên cứu của Rawls, không được xem xét dưới góc độ chung, khái quát mà chỉ được xem xét trong một khía cạnh duy nhất, khía cạnh chính trị – con người chính trị. Rawls cho rằng: “không nên nhầm lẫn quan niệm về con người này với quan niệm về một con người (như một thành viên của loài *homo sapiens* (người tinh khôn, người hiện đại))”.⁸ Sự lựa chọn này không phải ngẫu nhiên mà đó là sự suy lý dựa trên các điều kiện thực tiễn, mà Rawls gọi là “chủ nghĩa đa nguyên hợp lý”,⁹ khi các quan niệm khác nhau đều đúng đắn trên tinh thần tôn trọng sự khác biệt. Theo Rawls, khái niệm con người bao gồm các nội hàm “sức mạnh của lý trí, suy luận, phán đoán”¹⁰ và khẳng định “đây là những quyền năng đồng hành thiết yếu cho việc thực hành hai quyền lực đạo đức”.¹¹

Vì là con người chính trị tham gia vào một xã hội có chủ quyền, thể chế, hiến định, đạo đức cụ thể, tức là có thể tham gia vào đời sống xã hội, thực thi và tôn trọng các quyền và nghĩa vụ của nó, nên khái niệm con người đã được Rawls đồng nhất tương đối với khái niệm công dân. Trong đó, khái niệm “con người” và “công dân” gắn bó trong mối quan hệ tương hỗ chặt chẽ nhưng không hoàn toàn là một. Trong khi nghiên cứu khái niệm con người, Rawls cũng đã chỉ ra điểm khác biệt trong khái niệm “con người” và “công dân”: một là, bối cảnh áp dụng. Theo đó, khái niệm con người được áp dụng rộng rãi trong tất cả các quan điểm lý luận nói chung và tất cả các hình thức xã hội nói riêng. Trong khi đó, khái niệm công dân sẽ gắn với một chế độ dân chủ hợp hiến cụ thể, đang tồn tại và vận hành. Hai là, hình thức vận hành. Khái niệm con người là tiền đề, nền tảng để xây dựng khái niệm công dân. Trong khi đó, “công dân” là một chủ thể trong một xã hội được tổ chức tốt (*well-ordered society*), được điều tiết bằng các nguyên tắc, thể chế đã được lựa chọn. “Công dân” là những người sống, sinh hoạt, chấp hành và tham gia vào đời sống chính trị của xã hội. Ba là, khái niệm con người có tính trừu tượng, xác định một chủ thể đạo đức chung tham gia các hoạt động xã hội. Trong khi đó, khái niệm công dân có tính thực tiễn nhằm xác định và hiện thực hóa “con người” khi là thành viên tham gia, hợp tác đầy đủ các hoạt động của một xã hội dân chủ hợp hiến. Ngoài những điểm khác biệt, quan điểm về con người của Rawls được thể hiện thành “công dân” và con người chính là công dân của một xã hội dân chủ cụ thể.

8 John Rawls, *Justice as Fairness - A restatement*, edited by Erin Kelly, Cambridge, Massachusetts, Harvard University Press, 2001, tr. 24.

9 John Rawls, *tlđđ* (8), tr. 33.

10 Như trên, tr. 24.

11 Như trên.

Khái niệm con người với tư cách là công dân, đây cũng là điểm tương đồng trong khái niệm con người và công dân – là chủ thể của tự do và bình đẳng,¹² được thể hiện ở:

Thứ nhất, công dân là những người tự do trong khuôn khổ pháp luật và đạo đức của xã hội. Theo Rawls, ngay từ thời kỳ Hy Lạp cổ đại, sự tự do của một con người như một công dân trong xã hội được thể hiện bằng việc thực thi và tôn trọng các quyền và nghĩa vụ khác nhau do xã hội đặt ra. Vì thế, Rawls cho rằng, công dân tự do phải là những người có năng lực đạo đức. Đó chính là khả năng ý thức về công lý và khả năng tự xây dựng quan niệm về cái thiện phù hợp với các chuẩn mực, quy tắc, tiêu chuẩn đã được đặt ra của xã hội, nhằm hướng dẫn, điều chỉnh hành vi của bản thân. Năng lực ý thức về công lý và cái thiện không phải bẩm sinh, tự nhiên hình thành mà được tạo ra từ tư tưởng, thực tiễn đạo đức và tư tưởng chính trị của mỗi người khi là thành viên của xã hội. Nó phải được thường xuyên điều chỉnh, luôn vận động và thay đổi theo các giá trị chung. Mặc dù, Rawls cũng thừa nhận năng lực nhận thức của mỗi người là khác nhau và có thể mâu thuẫn với các chuẩn mực của xã hội,¹³ nhưng nó đã và luôn là một yêu cầu tất yếu, là điều kiện của tồn tại của mỗi thành viên trong xã hội.

Tự do của mỗi công dân còn được thể hiện ở quan điểm tự chủ về chính trị (*full autonomy, politically*). Đây được xem là hạt nhân trong triết học chính trị của Rawls và được hiện thực hóa trong tất cả các hoạt động của công dân trong xã hội. Tự chủ về chính trị có được khi công dân thực hiện đầy đủ các nguyên tắc xã hội một cách tự nguyện và công khai thừa nhận những nguyên tắc ấy trong tất cả các hoạt động cộng đồng, cũng như “tận hưởng” các biện pháp bảo vệ quyền tự do từ phía nhà nước. Như vậy, có thể thấy, một mặt, Rawls tôn trọng và bảo vệ quyền tự do của công dân trong quá trình tự ý thức nhưng mặt khác, Rawls cũng cho rằng, nhà nước vẫn có quyền can thiệp sâu sắc vào quyền tự ý thức của người dân để bảo vệ những chuẩn mực, nguyên tắc về công bằng chung của xã hội. Rawls tuyên bố: “quyền lực chính trị luôn là quyền lực cưỡng chế”¹⁴ nhằm thực hiện quyền bình đẳng của tất cả mọi người trong xã hội.

Công dân là tự do khi được xác định là nguồn xác nhận yêu sách (*Self-authenticating sources of claims*) đối với xã hội. Một khía cạnh quan trọng của việc công dân là người tự do là cách họ nhìn nhận bản thân mình trong vai trò xác lập các yêu sách đối với xã hội. Ở đó, mỗi công dân có quyền tự quyết về giá trị sống, mục tiêu, niềm tin cá nhân không lệ thuộc vào người khác về mặt đạo đức hay chính trị. Đồng thời, quyền tự quyết đó không cần thực chứng, công khai, hay sự xác nhận của bất cứ người nào, kể cả chính quyền nhà nước. Nói cách khác, công dân có quyền đưa ra quan điểm mà không cần chứng minh giá trị bản thân trước người khác.

Tóm lại, theo quan điểm Rawls, công dân tự do là những người có năng lực tự xây dựng các giá trị của bản thân phù hợp với các chuẩn mực của xã hội. Đồng thời, cũng phải thừa nhận một cách tự giác các chuẩn mực đạo đức, chính trị của xã hội, kể cả khi nó không phù hợp với lợi ích của bản thân.

Thứ hai, công dân là những con người bình đẳng. Quan điểm này thể hiện rõ trong lý thuyết “công lý như công bằng” – một quan điểm đã làm nên tên tuổi của

12 John Rawls, *tlđđ* (8), tr. 24.

13 John Rawls, *Political Liberalism*, Nxb. Columbia University Press, 1996, tr. 34.

14 John Rawls, *tlđđ* (13), tr. 68.

Rawls trong thế kỷ XX. Theo đó, bình đẳng chỉ có được khi mỗi công dân sở hữu những năng lực đạo đức như những người tự do. Các năng lực đạo đức ở mức độ cần thiết cũng được xem là cơ sở để công dân bình đẳng tham gia vào quá trình hợp tác và thực hiện các mối quan hệ của mỗi thành viên trong xã hội. Theo Rawls, bình đẳng là phẩm chất vốn có của con người khi tham gia hoạt động xã hội. Ông miêu tả phẩm chất vốn có này thành khái niệm “*original position*” (*trạng thái nguyên thủy*) và chính “phẩm chất vốn có” này đã tạo nên cơ sở cho việc loại bỏ tất cả – hay cách gọi của Rawls là “bức màn vô hình” (*veil of ignorance*) che chắn những thành kiến về giới tính, chủng tộc, địa vị xã hội, tài năng, niềm tin tôn giáo, của tất cả công dân trong xã hội¹⁵ và “không ai được phép tận dụng các lợi thế của mình để thiết lập các nguyên tắc thiên vị, có lợi cho bản thân”¹⁶ trong xã hội. Rawls viết trong tác phẩm *Justice as fairness - A restatement*:

“Tuy nhiên, dù hành vi lợi dụng ưu thế có thể bị xem là phi lý, nó không phải lúc nào cũng thiếu lý trí. Thực tế, có những người nắm giữ quyền lực chính trị lớn hơn hoặc ở trong hoàn cảnh thuận lợi hơn – dù những yếu tố này không liên quan đến sự bình đẳng giữa con người. Trong trường hợp đó, việc họ tận dụng lợi thế sẵn có có thể được coi là hành động hợp lý. Trong đời sống hàng ngày, ta vẫn nhận ra sự phân biệt này: khi một người có vị thế thương lượng vượt trội đưa ra đề nghị, ta có thể cho rằng họ hành động có lý, nhưng vẫn là điều khó chấp nhận về mặt đạo lý. Nói cách khác, cái “hợp lý” không phải lúc nào cũng trùng với cái “lý trí”; nó còn là một phạm trù đạo đức, phản ánh mức độ nhạy cảm của con người đối với công bằng và lẽ phải”.¹⁷

Rawls cho rằng, sự bình đẳng của mỗi công dân trong xã hội được đảm bảo bằng hai định chế (hay nguyên tắc):¹⁸ Nguyên tắc thứ nhất, mỗi người bình đẳng về quyền và tự do cơ bản. Nguyên tắc này bao gồm nhiều quyền thiết yếu như: một là, tự do chính trị. Rawls cho rằng: “giá trị của chính trị là những giá trị rất lớn và do đó không dễ dàng bị bác bỏ”.¹⁹ Tức là, mỗi công dân không chỉ có quyền tự do về chính trị trên danh nghĩa mà còn cả trên thực tế sử dụng các quyền đó trong xã hội. Hai là, Tự do tư tưởng (*Liberty of Conscience*). Đây là quyền của mỗi người được tự do suy nghĩ, tin tưởng và hành động theo lương tâm của mình, mà không bị ép buộc hoặc trừng phạt bởi nhà nước hoặc bất kỳ tổ chức nào khác. Nó bao gồm quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng, cũng như quyền không theo tôn giáo nào. Ba là, quyền về sự toàn vẹn cá nhân (*Integrity of the Person*) cả thể chất lẫn tinh thần. Tất cả các quyền này tồn tại thành một hệ thống, một chỉnh thể hoàn chỉnh, với những mối quan hệ biện chứng tác động qua lại lẫn nhau trong không gian và thời gian nhất định. Nguyên tắc thứ hai, tồn tại (chấp nhận) những bất bình đẳng hợp lý trong xã hội. Bất bình đẳng trong xã hội là một thực tế khó tránh khỏi. Tác giả Andrew Koppelman (2023) khi nghiên cứu về Rawls, cũng khẳng định quan điểm: “Bất bình đẳng có lẽ là một phần vĩnh viễn của điều kiện sống con người”.²⁰ Rawls khẳng định sự tồn tại của những bất bình

15 John Rawls, *tlđđ* (13), tr. 23.

16 John Rawls, *tlđđ* (8), tr. 7.

17 Như trên, tr. 7.

18 John Rawls, *tlđđ* (8), tr. 42.

19 John Rawls, *tlđđ* (13), tr. 139.

20 Andrew Koppelman, “Rawls, inequality, and welfare-state capitalism”, *American Journal of Law and Equality*, 2023, tr. 256-282.

đẳng trong xã hội, nhưng cho rằng những bất bình đẳng đó phải là điều kiện để thực hiện bình đẳng chung của toàn xã hội. Đối với Rawls, những bất bình đẳng được tồn tại trong xã hội phải dựa trên hai mục đích:

(i) Để giúp cho tất cả mọi người không phân biệt giới tính, tôn giáo, chủng tộc, xuất thân, hoàn cảnh kinh tế, kể cả tài năng... đều có cơ hội tiếp cận và đạt được những vị trí nhất định (nghề nghiệp, chức vụ...) trong xã hội. Ông cũng cho rằng, tài năng và nỗ lực là yếu tố quyết định cho sự thành công của con người trong xã hội. Hai người có cùng năng lực và quyết tâm như nhau thì có sự thành công như nhau, bất kể họ sinh ra trong gia đình thuộc tầng lớp nào, giàu hay nghèo. Giáo dục và tiếp cận tri thức trong xã hội không phụ thuộc vào địa vị xã hội của gia đình. Người giàu học trường tốt, người nghèo học trường chưa tốt là không công bằng. Đồng thời, ông khẳng định trường học phải là nơi không có những rào cản, phân biệt giai cấp. Trường học dù công hay tư đều phải đảm bảo để mọi học sinh phát triển như nhau.

(ii) Các bất bình đẳng trong xã hội phải vì lợi ích của những người yếu thế. Nguyên tắc này đặt ra các tiêu chuẩn để đánh giá những bất bình đẳng về kinh tế - xã hội của xã hội dân chủ. Để xem xét ai là người yếu thế trong xã hội, Rawls sử dụng khái niệm “hàng hóa sơ cấp xã hội” (*social primary goods*) – là những tài sản cơ bản mà mọi công dân cần có để sống như những người tự do và bình đẳng trong xã hội. Chúng bao gồm quyền lợi, tự do, thu nhập, tài sản, và nền tảng xã hội của lòng tự trọng. Đồng thời, Rawls cũng cho rằng hàng hóa sơ cấp gồm hai loại: hàng hóa sơ cấp tự nhiên, do bẩm sinh hoặc môi trường tự nhiên mang lại; hàng hóa sơ cấp xã hội, gồm các quyền tự do ngôn luận, bầu cử, quyền được xét xử công bằng, tự do tín ngưỡng, lập hội, tự do nghề nghiệp, quyền được sống cơ bản để duy trì phẩm giá con người, sự công nhận và tôn trọng từ xã hội... Có thể thấy, bình đẳng cho người yếu thế chính là sự bù đắp từ cộng đồng để đảm bảo sự bình đẳng thật sự diễn ra trong xã hội. Sự bình đẳng đó cũng không phải là tuyệt đối khi Rawls bảo vệ quan điểm về sự giàu có của một số ít thành viên vượt lên trên toàn bộ xã hội nếu nó mang lại lợi ích thiết thực nhằm đảm bảo những tiêu chí công bằng tối thiểu cho tất cả mọi người.

Như vậy, quan điểm về con người là công dân tự do và bình đẳng là một trong những điểm đặc sắc trong tư tưởng triết học chính trị và pháp quyền của Rawls. Nội dung của tự do và bình đẳng hướng đến tất cả mọi công dân trong xã hội, nhất là tầng lớp yếu thế. Rawls đã xây dựng những thang giá trị nhằm xác định các yêu cầu của tự do và bình đẳng trong xã hội, nhằm đảm bảo cho mỗi con người là công dân đều được tự do và bình đẳng như nhau, tạo nên công bằng cho toàn xã hội.

2. Hạn chế và giá trị hiện thời của triết học pháp quyền Rawls về con người ở Việt Nam

2.1 Những hạn chế trong quan điểm triết học của Rawls về con người

Karl Marx đã viết: “Các triết gia không mọc lên như nấm từ trái đất, họ là sản phẩm của thời đại của mình, của dân tộc mình, mà dòng sữa tinh tế nhất, quý giá và vô hình được tập trung lại trong những tư tưởng triết học”,²¹ do đó quan điểm triết học của Rawls về con người cũng chính là sản phẩm của các điều kiện kinh tế - xã hội - văn hóa - chính trị đặc thù phương Tây - Mỹ những năm đầu thế kỷ XX. Ở đó, các giá trị con người được nhìn nhận với tư cách một cá thể độc lập trong xã hội,

21 C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập, Tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tr. 156.

cần được đảm bảo mọi quyền lợi như tất cả mọi người, đặc biệt là các quyền về tự do và bình đẳng. Tư tưởng về con người của Rawls đã có những đóng góp nhất định đối với sự phát triển của các quan niệm triết học về con người, con người – chính trị, về vấn đề xem trọng phẩm giá, quyền phát triển bản thân của con người trên nền tảng tự do và bình đẳng. Tuy nhiên, quan điểm của Rawls về con người vẫn tồn tại những hạn chế mang tính lịch sử đối với quá trình xây dựng con người mới – con người xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Thứ nhất, Rawls đề cao và chỉ xem xét con người như một cá thể tồn tại trong xã hội, xem con người ở góc độ duy nhất “công dân là những người tự do và bình đẳng”²² mà bỏ qua các yếu tố về điều kiện vật chất, tinh thần của con người. Lịch sử đã cho thấy con người chỉ có thể tồn tại và phát triển trong xã hội loài người. Đồng thời, tồn tại xã hội cũng là một trong những điều kiện quyết định đến sự hình thành và phát triển của ý thức và bản thân con người. Karl Marx khẳng định: “Xã hội... là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa những con người”²³ và “trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội”.²⁴ Trong khi đó, Rawls viết: “Ý tưởng về một xã hội được tổ chức tốt, tức là một xã hội được điều chỉnh hiệu quả bởi một quan niệm công khai về công lý”.²⁵ Đối với Rawls, chính con người và công lý cho con người là cơ sở duy nhất để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Thứ hai, quan điểm con người là công dân mặc dù có những ưu điểm nhất định nhưng đã xuất hiện những yếu tố có tính lạc hậu, không phù hợp với quá trình đa dạng hóa, quốc tế hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay. Các bản Hiến pháp của Việt Nam từ năm 1946 đến năm 2013 đều xác nhận quyền công dân và xem công dân như chủ thể của xã hội. Tuy nhiên, Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã phân biệt khái niệm “quyền con người” và “công dân” và xem chúng như hai chủ thể khác nhau, hướng đến một xã hội dân chủ, công bằng thật sự. Trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào thương mại quốc tế, cũng như tham gia đầy đủ các công ước quốc tế về quyền con người, nên khái niệm “con người” và “quyền con người” trong Hiến pháp và pháp luật thể hiện tính khách quan trong xu thế hội nhập toàn cầu, tạo dựng niềm tin đối với các nhà đầu tư nước ngoài, đảm bảo các quyền bất khả xâm phạm, không phân biệt đối xử cho mọi cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam, phù hợp với luật pháp quốc tế.

Thứ ba, Rawls bỏ qua vai trò của nhà nước, tập thể và xã hội trong xây dựng các nguyên tắc của tự do và công bằng. Để đảm bảo các giá trị tối thiểu của con người, trong đó có công lý và công bằng cho tất cả mọi người, không thể thiếu các vai trò của nhà nước, tập thể và các tổ chức chính trị xã hội. Rawls có đề cập đối tượng yếu thế trong xã hội, yêu cầu bảo vệ những người yếu thế nhưng lại cho rằng mỗi công dân cần phải đạt được tiêu chuẩn “tự ý thức về công lý”, “tự ý thức về cái thiện”, đây là điều không thể thực hiện trong xã hội gồm nhiều người với nhiều điều kiện sống, giáo dục khác nhau. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng phải: “làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”²⁶

22 John Rawls, *tlđđ* (8), tr. 5.

23 C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập, Tập 27*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, 1996, tr. 657.

24 C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập, Tập 3*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, 1995, tr. 11.

25 John Rawls, *tlđđ* (8), tr. 5.

26 Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 15*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, 2011, tr. 293.

và đó cũng là vai trò, trách nhiệm quan trọng của nhà nước nhằm đảm bảo công bằng cho tất cả mọi người. Do đó, chủ tịch Hồ Chí Minh nêu vấn đề cấp bách sau cách mạng tháng Tám là “phải có một hiến pháp dân chủ” và “đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu”²⁷ để có thể nhanh chóng xây dựng hệ thống pháp luật, chính sách, đảm bảo tự do, công bằng cho mọi người dân trong xã hội. Đồng thời, nhà nước bằng các công cụ của mình, cũng là cơ quan đảm bảo tất cả mọi người bình đẳng, được đối xử công bằng trong xã hội. Bên cạnh đó, các tổ chức chính trị – xã hội, quần chúng nhân dân sẽ đảm nhận vai trò xây dựng, truyền bá, nâng cao nhận thức, giáo dục, các chuẩn mực đạo đức, pháp luật phù hợp với thực tiễn xã hội, trong những không gian và thời gian cụ thể, khuyến khích chống lại mọi hình thức phân biệt đối xử và kỳ thị. Tóm lại, kiến tạo các nguyên tắc tự do và công bằng là kết quả của nỗ lực liên kết giữa Nhà nước, cộng đồng và xã hội. Nhà nước định hình luật pháp và bảo hộ quyền tự do; cộng đồng nuôi dưỡng chuẩn mực đạo đức; xã hội tạo lập không gian dân chủ và khơi dậy tinh thần tham dự. Chỉ khi ba chủ thể này tương tác hài hòa, tự do và công bằng mới thật sự tồn tại trong một xã hội văn minh.

2.2.2. Giá trị hiện thời của các quan điểm về con người của Rawls

Bên cạnh những hạn chế, sự khác biệt do bối cảnh xã hội dân chủ tự do phương Tây và nền tảng tư tưởng triết học – chính trị, tư tưởng về con người của Rawls vẫn mang nhiều giá trị thiết thực, quan trọng đối với quá trình xây dựng con người mới – con người xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Thứ nhất, quan điểm về con người là công dân tự do, bình đẳng và được đối xử công bằng trên tất cả các lĩnh vực bao gồm cơ hội phát triển bản thân là nguồn cảm hứng, cơ sở lý luận cho việc tiếp tục khẳng định và làm phong phú hơn nội hàm khái niệm “con người mới” của Đảng Cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991) của Đảng đã khẳng định:

“Phương hướng lớn của chính sách xã hội là: phát huy nhân tố con người trên cơ sở đảm bảo công bằng, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi công dân, kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài, giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội”.

Các giá trị của tự do và bình đẳng luôn và đã trở thành “hệ giá trị quốc gia” của Việt Nam. Trong đó, các quan điểm về con người là công dân tự do của Rawls tiếp tục khẳng định quan điểm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, tự do, sáng tạo; quan điểm con người là những công dân có khả năng tự ý thức về công lý, tự ý thức về cái thiện củng cố niềm tin của mỗi cá nhân trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, phù hợp với quan điểm “lấy dân làm gốc” trong tư tưởng chính trị của Việt Nam hiện nay. Đồng thời, quan điểm này cũng khẳng định tầm quan trọng của giáo dục con người, hình thành những công dân có trách nhiệm đối với xây dựng mục tiêu công bằng đã được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ (bổ sung sửa đổi năm 2011) với những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đối với Rawls,

27 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, 2011, tr. 7.

“công lý như công bằng” và có được thông qua những thỏa thuận xã hội có thể được xem như những gợi mở trong việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, đặt con người vào trung tâm và các bất bình đẳng chỉ được chấp nhận khi mang lại lợi ích cho nhóm yếu thế trong xã hội, làm cho mọi người đều có điều kiện, cơ hội tiếp cận giáo dục, y tế, việc làm một cách công bằng, thực hiện thành công chiến lược xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay. Cách tiếp cận con người ở góc độ là công dân bình đẳng và tự do cũng gợi ý cho những hệ thống pháp luật mang lại sự cân bằng nhất định giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, không vì lợi ích xã hội mà hy sinh lợi ích cá nhân và ngược lại, tạo điều kiện cho sự phát triển hài hòa, tiến bộ xã hội trên nguyên tắc bình đẳng và công bằng.

Thứ hai, quan điểm về con người trong triết học của Rawls thể hiện tính nhân văn trong đề cao con người, bảo vệ con người. Nguyên tắc tự do của Rawls nhắc nhở về tầm quan trọng của việc bảo vệ các quyền con người cơ bản, như quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, hội họp... xem các quyền cơ bản của con người là bất khả xâm phạm và ưu tiên. Hiện nay, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang tiếp tục hoàn thiện các cơ chế thực thi để không chỉ những quyền của con người mà Rawls đã nêu ra mà cả những quyền khác, mang đặc trưng của bản sắc văn hóa dân tộc không chỉ tồn tại trên văn bản mà trở thành thực tế sống động trong đời sống xã hội. Đây là một tiến trình tất yếu trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa – nơi pháp luật được hiểu không đơn thuần là công cụ quản lý, mà là không gian chung để tự do, công bằng và nhân phẩm được bảo đảm cho mọi người.

Thứ ba, quan điểm về con người gắn liền với khái niệm công dân tự do, bình đẳng và công bằng giúp làm sáng tỏ hơn khái niệm dân chủ ở Việt Nam, cũng như giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa yêu cầu ổn định xã hội và dân chủ. Dân chủ ở Việt Nam là một khái niệm mang tính lịch sử – xã hội, gắn chặt với đặc điểm kinh tế, chính trị và các giá trị văn hóa, phong tục tập quán, thói quen của người Việt. Trong quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, với quan điểm “dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ” và “địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”²⁸ và nhà nước “đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối của Đảng; có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội”²⁹ nhằm thực hiện mục tiêu “dân chủ, công bằng, văn minh”. Do đó, dân chủ ở Việt Nam được thực thi hướng đến tất cả mọi người dân trong xã hội với vai trò tổ chức của nhà nước, đảm bảo quyền lực thực sự thuộc về nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam xây dựng, là mục tiêu, động lực của sự phát triển xã hội, của tiến bộ xã hội”,³⁰ dân chủ ở Việt Nam được đảm bảo thông qua thực hiện các cam kết, thỏa thuận về quyền của công dân, quyền con người được ghi nhận trong hiến pháp và pháp luật; mỗi người dân Việt Nam thực hành dân chủ bằng cách tuân thủ pháp luật, qua đó đảm bảo sự ổn định chung, duy trì trật tự xã hội, ngăn chặn hành vi không phù hợp pháp luật, phá hoại cuộc sống bình yên của nhân dân.

28 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 7, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2011, tr. 434.

29 Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2022, tr. 28.

30 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 15, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2011, tr. 325.

Kết luận

Trong bối cảnh hiện nay, việc nghiên cứu, tìm ra các giá trị tương đồng giữa các tư tưởng của các học giả phương Tây với Chủ nghĩa Marx-Lenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam có ý nghĩa rất thiết thực trong việc tiếp tục khẳng định tính đúng đắn, khoa học, cách mạng, nhân văn... của nền tảng tư tưởng mà Đảng và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn. Có thể thấy quan điểm về con người của Rawls tập trung lý giải con người tồn tại trong một xã hội dân chủ cụ thể - xã hội dân chủ Âu Mỹ. Do đó, khái niệm “con người” đã được Rawls xem như là “công dân” khi tự bản thân đáp ứng được các giá trị chung của xã hội là tự do và bình đẳng. Tư tưởng về con người của Rawls có những hạn chế có tính thời đại, trong đó chưa khái quát được thành khái niệm “công dân toàn cầu” mà chỉ bó hẹp trong một xã hội dân chủ nhất định. Bỏ qua những hạn chế đó, tư tưởng về con người của Rawls đã bổ sung thêm nguồn cơ sở lý luận quan trọng trong việc xây dựng con người mới – con người xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đặc biệt, quan điểm về con người như một công dân tự do và bình đẳng đã làm phong phú thêm các giá trị tư tưởng về một xã hội thượng tôn pháp luật, lấy tự do của một người làm cơ sở cho tự do của tất cả mọi người ở Việt Nam hiện nay. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] C.Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập, Tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002 [trans: Karl Marx and Friedrich Engels, *Collected Works, Volume 1*, National Political Publishing House – Truth, 2002]
- [2] C.Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập, Tập 3*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, 1995 [trans: Karl Marx and Friedrich Engels, *Collected Works, Volume 3*, National Political Publishing House – Truth, 1995]
- [3] C.Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập, Tập 27*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, 1996 [trans: Karl Marx and Friedrich Engels, *Collected Works, Volume 27*, National Political Publishing House – Truth, 1996]
- [4] Mary L. Dudziak, *Cold war civil rights - Race and the image of American democracy*, Nxb. Princeton University Press, 2000
- [5] Andrew Koppelman, “Rawls, inequality, and welfare-state capitalism”, *American Journal of Law and Equality*, 2023
- [6] Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 15*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2011 [trans: Ho Chi Minh, *Collected Works, Volume 15*, National Political Publishing House – Truth, 2011]
- [7] Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 4*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, 2011 [trans: Ho Chi Minh, *Collected Works, Volume 4*, National Political Publishing House – Truth, 2011]
- [8] Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 7*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2011 [trans: Ho Chi Minh, *Collected Works, Volume 7*, National Political Publishing House – Truth, 2011]
- [9] Thoms Pogge, *John Rawls: His life and theory of justice*, New York Oxford University Press, 2007
- [10] John Rawls, *Justice as fairness - A restatement*, edited by Erin Kelly, Cambridge, Massachusetts, Harvard university press, 2001
- [11] John Rawls, *Political Liberalism*, Nxb. Columbia University press, 1996
- [12] Arthur Ripstein, “Private order and public justice: Kant and Rawls”, *Virginia Law Review*, Vol. 92(7), 2006
- [13] Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2022 [trans: Nguyen Phu Trong, *Some theoretical and practical issues on socialism and the path toward socialism in Vietnam*, National Political Publishing House – Truth, 2022]